

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16 /2022/HNGĐ-PT

Ngày: 25/8/ 2022

V/v “Tranh chấp tài sản khi ly
hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Minh

Các thẩm phán: Ông Phạm Văn Phần

Ông Nguyễn Quang Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Như Quỳnh – Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Nam, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số 01/2022/TLPT-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2022 về việc "Tranh chấp tài sản khi ly hôn"

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 48/2021/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2022/HNGĐ-PT ngày 28 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Thị P, sinh năm 1970; địa chỉ: xóm 10, xã Quỳnh T, huyện Quỳnh L, tỉnh Nghệ An.(có đơn xin xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Đậu Đức V, sinh năm 1968; địa chỉ: xóm 10, xã Quỳnh T, huyện Quỳnh L, tỉnh Nghệ An.(có đơn xin xử vắng mặt)

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Hồ Thị P ông Lê Công Thiết, trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nghệ An.(gửi luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích cho nguyên đơn và xin xử vắng mặt)

3. Người kháng cáo: Bà Hồ Thị P, là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn chị Hồ Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và Ông Đậu Đức V kết hôn vào tháng 01/1986, thời gian cụ thể bà không nhớ. Hai bên có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quỳnh Tân, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, nhưng sau đó đã bị thất lạc giấy chứng nhận kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do Ông V xúc phạm, đánh đập bà và có quan hệ bất chính với người khác. Gia đình đã khuyên ngăn, bà đã tha thứ nhiều lần nhưng Ông V vẫn không thay đổi. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2021 đến nay và chấm dứt mọi quan hệ. Nay bà xác định không còn tình cảm với Ông V nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với Ông Đậu Đức V.

Về con chung: Vợ chồng bà và Ông V có 07 con chung là: Đậu Thị Hương, sinh ngày 15/01/1987; Đậu Thị Lan, sinh ngày 06/6/1990; Đậu Thị Quyên, sinh ngày 15/12/1992; Đậu Thị Tư, sinh ngày 20/4/1994; Đậu Thị Huệ, sinh ngày 04/4/1997; Đậu Thị Sáu, sinh ngày 19/4/2001 và Đậu Thị Trang, sinh ngày 09/02/2005. Ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con Đậu Thị Trang; không yêu cầu Ông V cấp dưỡng nuôi con. Còn các con Hương, Lan, Quyên, Tư, Huệ, Sáu đều đã đủ tuổi trưởng thành và có gia đình riêng; việc ở với ai tùy các con quyết định.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà và Ông V có số tài sản chung sau đây:

- Quyền sử dụng thửa đất số 748, tờ bản đồ số 5 (128-70), diện tích 1.091,62m² (trong đó đất ở: 100 m² và đất TCHN: 991,62m²), địa chỉ thửa đất: Tại xóm 10, xã Quỳnh T, huyện Quỳnh L, tỉnh Nghệ An. Diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1300m², nhưng ngày 19/4/2017 vợ chồng bà đã bán cho chị Đậu Thị Luyến (là em gái Ông V) 208,38m² (trong đó đất ở: 100m² và đất TCHN: 108,38m²); 01 nhà vệ tầng đa diện tích 70,3m²; 01 nhà vệ tầng đa 28,2m²; nhà tắm; nhà chăn nuôi; nhà xay xát; mái tôn; tường bao; cổng và các tài sản là cây trên đất; xe máy nhãn hiệu Wave Biển kiểm soát 37K7 6021, giấy tờ xe mang tên Đậu Đức V; 01 tủ lạnh nhãn hiệu TOSHIBA; 01 máy giặt; 01 máy xát gạo. Các tài sản này hiện nay do Ông Đậu Đức V quản lý, sử dụng; 01 con nghé khi mua là 25.000.000 đồng, đã nuôi được 7 tháng, đến ngày 8/7/2021 Ông V đã bán với giá 32.000.000 đồng và đã trả nợ 30.000.000 đồng cho anh Đậu Đức Hương, vì Ông V đã vay tiền để mua con nghé này. Về nợ, vợ chồng bà không nợ ai và không ai nợ vợ chồng. Nay bà không yêu cầu về việc Ông V trích chia số tiền bán nghé. Bà yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định. Bà xin nhận tài sản bằng hiện vật như: Phần đất trống và một số đồ dùng sinh hoạt như xe máy, máy giặt, tủ lạnh. Nhà ở, công trình phụ gắn liền với đất, bà nhất trí nhường cho Ông V sở hữu, sử dụng. Bà không yêu cầu Ông V trích chia tiền chênh lệch tài sản cho bà.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn Ông Đậu Đức V trình bày: Ông và bà Hồ Thị P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Tân vào khoảng tháng 01/1986. Hai bên tự nguyện kết hôn, sau đó giấy chứng nhận kết hôn bị thất lạc. Vợ chồng chung sống bình thường, không có mâu thuẫn gì. Nhưng từ tháng 5/2021 thì hai bên không sống chung với nhau nữa, nguyên nhân gì ông không biết. Bà P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, quá trình giải quyết vụ án Ông V xin đoàn tụ, nhưng tại phiên tòa ông nhất trí vì không còn tình cảm với bà P nữa.

Về con chung: Vợ chồng ông và bà P có 07 con chung ngày, tháng, năm sinh như bà P trình bày trên là đúng. Hiện nay các con chung là Đậu Thị Hương, Đậu Thị Lan, Đậu Thị Quyên, Đậu Thị Tư, Đậu Thị Huệ và Đậu Thị Sáu đã có gia đình riêng nên việc ở với ai tùy các con quyết định.

Ly hôn ông nhường quyền nuôi con Đậu Thị Trang cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng ông và bà P có một số tài sản chung như bà P trình bày trên, là: Quyền sử dụng đất thửa đất số 748, tờ bản đồ số 5 (128-70), diện tích 1.091,62m² (trong đó đất ở: 100m² và TCHN: 991,62m²) tại xóm 10, xã Quỳnh T, huyện Quỳnh L, tỉnh Nghệ An; nhà vệ tầng đa diện tích 70,3m²; nhà vệ tầng đa 28,2m²; nhà tắm; nhà chăn nuôi; nhà xay xát; mái tôn và cây trên đất; xe máy nhãn hiệu Wave Biển kiểm soát 37K7 6021, giấy tờ xe mang tên Đậu Đức V; 01 tủ lạnh; 01 máy giặt; 01 máy xát gạo. Các tài sản này hiện nay do ông quản lý, sử dụng; 01 con nghé ông đã bán với giá 32.000.000 đồng nhưng đã trả 30.000.000 đồng cho anh Đậu Đức Hương, vì đã vay tiền để mua con nghé này.

Ông V khai nại: Năm 2016 vợ chồng ông có bán đất cho chị Đậu Thị Luyến với giá 120.000.000 đồng, số tiền chi tiêu 40.000.000 đồng, còn 80.000.000 đồng và yêu cầu bà P trích chia cho ông 40.000.000 đồng. Tại phiên tòa Ông V không yêu cầu giải quyết khoản tiền này nữa.

Về nợ: Tại biên bản lấy lời khai Ông V trình bày: Vợ chồng ông có vay ông Đậu Đức Hương 30.000.000 đồng để mua nghé và vay bà Lê Thị Cúc 01 chỉ vàng, để xây nhà; tại biên bản hòa giải ngày 22/10/2021 và tại phiên tòa ông xin rút lời khai về các khoản nợ này và không có yêu cầu gì.

Tại bản án số 48/2021/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An đã quyết định: Căn cứ vào Điều 33, 38, 59, 62, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39; khoản 1 điều 40; điều 147; điều 227, 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 33, 38, 59, 62, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Cho bà Hồ Thị P được ly hôn với Ông Đậu Đức V.

[2] Về con chung: Giao con chung Đậu Thị Trang, sinh ngày 09/02/2005 cho bà Hồ Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho Ông Đậu Đức V vì bà Hồ Thị Phương chưa yêu cầu.

Ông Đậu Đức V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản:

[3.1] Giao cho bà Hồ Thị P được quyền sử dụng 362,5m² (trong đó 50 m² đất ở và 312,5 m² đất TCHN) trị giá 206.250.000 đồng, có tứ cận:

- Phía Bắc giáp thửa 1026 của chị Đậu Thị Luyến dài 29,95m;
- Phía Nam giáp đất của Ông Đậu Đức V được giao dài 32,47m (các cạnh 13,72m + 18,75m);
- Phía Đông giáp đường liên thôn dài 11,69 m;
- Phía Tây giáp thửa 27 của ông Đậu Đức T, dài 11,69 m.

Giao cho bà Hồ Thị P được quyền sở hữu: 01 tủ lạnh hiệu TOSHEBA, trị giá 4.500.000 đồng; 01 máy giặt trị giá 3.000.000 đồng; 01 xe máy nhãn hiệu Wave, Biển kiểm soát 37K7 6021, mang tên Đậu Đức V, trị giá 6.000.000 đồng và 20 cây chuối chưa có buồng, trị giá 200.000 đồng.

Tổng cộng giá trị tài sản bà Hồ Thị P được nhận là 219.950.000đ (hai trăm mười chín triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

[3.2] Giao cho Ông Đậu Đức V được quyền sử dụng phần đất có diện tích 703,4m² (trong đó 50m² đất ở và 653,4m² đất TCHN), trị giá 376.700.000 đồng, có tứ cận:

- Phía Bắc giáp đất bà Hồ Thị P, dài 32,47m (các cạnh 13,72m và 18,75m);
- Phía Nam giáp đường liên hộ dài 37,75m (các cạnh 13,56m + 7,17m + 6,02m + 11,68m);
- Phía Đông giáp thửa 27 của ông Đậu Đức T, dài 14,35m;
- Phía Tây giáp đường liên hộ, dài 26,21m.

Giao cho Ông Đậu Đức V được quyền sở hữu, toàn bộ tài sản trên đất, gồm: Nhà vệ tầng đa lợp ngói diện tích 70,3 m² trị giá 100.000.000 đồng; nhà vệ tầng đa lợp ngói diện tích 28,2m², trị giá 20.000.000 đồng; sân lát gạch hoa 57m², trị giá 5.000.000 đồng; sân láng xi măng, diện tích 18m², trị giá 1.000.000 đồng; toàn bộ tường bao phía trước và sau nhà trị giá 3.500.000 đồng; nhà tắm trị giá 6.000.000 đồng; cổng (trụ cổng, cánh cổng) trị giá 5.200.000 đồng; mái tôn trước sân và mái tôn ngoài giếng, trị giá 12.000.000 đồng; nhà chăn nuôi 38m², trị giá 1.000.000 đồng; nhà chăn nuôi 19,2m², trị giá 500.000 đồng; nhà xay gạo, trị giá

500.000 đồng; 02 cây bưởi, trị giá 500.000 đồng; 01 cây cau, trị giá 250.000 đồng; 01 cây đào, trị giá 250.000 đồng; 02 cây na, trị giá 100.000 đồng; 01 cây đu đủ, trị giá 15.000 đồng; 01 cây xoài, trị giá 250.000 đồng; 01 cây na xiêm, trị giá 250.000 đồng; 20 cây chuối đã có buồng, trị giá 400.000 đồng. Tổng cộng giá trị tài sản Ông Đậu Đức V được nhận là 539.415.000đ (năm trăm ba mươi chín triệu bốn trăm mười lăm nghìn đồng).

Ngoài ra Bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo, và hướng dẫn về việc thi hành án.

Ngày 08 tháng 12 năm 2021, chị Hồ Thị P nộp đơn kháng cáo với nội dung: Việc Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu chia tài sản chung giữa bà và Ông V không công bằng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người phụ nữ và đề nghị cấp phúc thẩm chia lại cho công bằng và bà đề nghị giao cho Ông V phần đất có nhà với diện tích 480,1 m² (gồm 50m² đất ở và 430,1m² đất trồng cây lâu năm) có giá trị 215.000.000đ; nhà ở và các tài sản có giá trị theo kết quả định giá là 177.415.000đ. Tổng giá trị đất và các tài khác 442.465.000đ.

Giao cho bà phần đất trồng giáp đất bà Đậu Thị Luyến có diện tích 362,5m² và phần đất trồng giáp đường bê tông nằm phía sau thửa đất có nhà ở với diện tích 223,3m². Tổng diện tích 02 mảnh 585,8m² trong đó 50m² đất ở x 1.000.000đ = 50.000.000đ và 535,8m² đất vườn x 500.000đ = 267.900.000đ.

Tổng giá trị bà được hưởng 380.182.500đ và Ông V được hưởng 442.465.000đ; phần chênh lệch sau khi chia 62.282.500đ bà không yêu cầu Ông V thanh toán lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Hồ Thị P vắng mặt nhưng có đơn đề nghị hội đồng xét xử xem xét và thay đổi một phần nội dung kháng cáo. Bà P đề nghị giao cho bà được quyền quản lý một phần đất trồng có diện tích 415,1m² (trong đó có 50m² đất ở và 365,1m² đất trồng cây lâu năm) trị giá 232.550.000đ có tứ cận: Bắc giáp thửa đất số 33 của bà Đậu Thị Luyến chiều dài 29,95m; phía Nam giáp đất của Ông Đậu Đức V chiều dài 32,90m; phía Đông giáp đường đất liên thôn chiều dài 14,94m; phía Tây giáp thửa đất số 27 của ông Đậu Đức T dài 11,69m.

Đối với phần diện tích còn lại 650,8m² (trong đó có 50m² đất ở và 600,8m² đất trồng cây lâu năm) và toàn bộ tài sản trên đất và các tài sản khác bà đề nghị giao cho Ông Đậu Đức V quản lý, sử dụng.

Trước khi xét xử phúc thẩm, giữa bà P và Ông V đã có văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân với nội dung: Sau khi tòa phúc thẩm tiến hành xem xét thẩm định lại thửa đất thì giữa bà P và Ông V đã thống nhất thỏa thuận như sau:

Bà Hồ Thị P được sử dụng, quản lý phần đất trồng có tổng diện tích 415,1m² (trong đó có 50m² đất ở và 365,1m² đất trồng cây lâu năm) trị giá 232.550.000đ có tứ cận: Bắc giáp thửa đất số 33 của bà Đậu Thị Luyến chiều dài 29,95m; phía Nam giáp đất của Ông Đậu Đức V chiều dài 32,90m; phía Đông giáp đường đất liên thôn chiều dài 14,94m; phía Tây giáp thửa đất số 27 của ông Đậu Đức T dài 11,69m.

Ông Đậu Đức V được quyền sử dụng, quản lý phần diện tích đất còn lại 650,8m² (trong đó có 50m² đất ở và 600,8m² đất trồng cây lâu năm) giá trị 350.400.000đ có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đất bà Hồ Thị P với chiều dài 32,90m; phía Nam giáp đường bê tông với chiều dài 37,75m (các cạnh 13,56 + 7,17 + 6,02 + 11,68); phía Đông giáp đường liên thôn với chiều dài 22,96m; phía Tây giáp thửa đất số 27 của ông Đậu Đức T dài 14,35m.

Đối với nhà ở và các tài sản khác như: Tủ lạnh, xe máy, mái tôn ... có giá trị theo kết quả định giá 177.415.000đ, bà P tự nguyện giao cho Ông V sử dụng và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Lê Công Thiết, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà P trình bày:

Ngày 19/8/2022, tại Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Tân, Ông Đậu Đức V và bà Hồ Thị P đã tự nguyện thỏa thuận phân chia tài sản chung. Việc thỏa thuận giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy, ông đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: Về tố tụng; người tham gia tố tụng

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Xét thấy trước khi xét xử phúc thẩm các đương sự đã tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, sự thỏa thuận không trái với quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 300 BLTTDS ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát .

[1]. Về tố tụng: Ông Nguyễn Đức Võ vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt, bà Hồ Thị P , có đơn xin xử vắng mặt, Người đại diện theo ủy quyền của bà P ông Lê Công Thiết có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 BLTTDS tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của chị Hồ Thị P, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngày 19/8/2022 giữa bà Hồ Thị P và Ông Đậu Đức V đã tự làm văn bản thỏa thuận với nhau về phân chia tài sản chung của vợ chồng như sau: Bà Hồ Thị P được sử dụng, quản lý phần đất trồng có tổng diện tích 415,1m² (trong đó có 50m² đất ở và 365,1m² đất trồng cây lâu năm) trị giá 232.550.000đ có tứ cận: Bắc giáp thửa đất số 33 của bà Đậu Thị Luyện chiều dài 29,95m; phía Nam giáp đất của Ông Đậu Đức V chiều dài 32,90m; phía Đông giáp đường đất liên thôn chiều dài 14,94m; phía Tây giáp thửa đất số 27 của ông Đậu Đức T dài 11,69m.

Ông Đậu Đức V được quyền sử dụng, quản lý phần diện tích đất còn lại 650,8m² (trong đó có 50m² đất ở và 600,8m² đất trồng cây lâu năm) giá trị 350.400.000đ có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đất bà Hồ Thị P với chiều dài 32,90m; phía Nam giáp đường bê tông với chiều dài 37,75m (các cạnh 13,56 + 7,17 + 6,02 + 11,68); phía Đông giáp đường liên thôn với chiều dài 22,96m; phía Tây giáp thửa đất số 27 của ông Đậu Đức T dài 14,35m.

Đối với nhà ở và các tài sản khác như: Tủ lạnh, xe máy, mái tôn ... có giá trị theo kết quả định giá 177.415.000đ bà P tự nguyện giao cho Ông V sử dụng và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần chấp nhận kháng cáo của bà P, sửa bản án sơ thẩm theo nội dung các đương sự đã thỏa thuận.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của chị Hồ Thị P được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Về án phí chia tài sản: Do các đương sự tự thỏa lại phần tài sản chung do đó cần xá định lại nghĩa vụ án phí chia tài sản. Bà Hồ Thị P phải chịu 11.627.500đ; Ông Đậu Đức V phải chịu 17.520.000đ.

[4]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 59, 62 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bà Hồ Thị P; Sửa bản án sơ thẩm; công nhận sự thỏa thuận giữa bà Hồ Thị P và Ông Đậu Đức V như sau:

1. Bà Hồ Thị P được quyền sử dụng phần đất trồng có diện tích $415,1\text{m}^2$ (trong đó có 50m^2 đất ở và $365,1\text{m}^2$ đất trồng cây lâu năm) trị giá 232.550.000đ. Thửa đất có tứ cận như sau: Bắc giáp thửa đất số 33 của bà Đậu Thị L chiều dài 29,95m; phía Nam giáp đất của Ông Đậu Đức V chiều dài 32,90m; phía Đông giáp đường đất liên thôn chiều dài 14,94m; phía Tây giáp thửa đất số 27 của ông Đậu Đức T dài 11,69m.

2. Giao cho Ông Đậu Đức V được quyền sở hữu phần đất có diện tích $650,8\text{m}^2$ gồm 50m^2 đất ở và $600,8\text{m}^2$ đất vườn giá trị 350.400.000đ có tứ cận như sau phía Bắc giáp đất giao cho bà Hồ Thị P dài 32,90m, phía Nam giáp đường liên bộ 38,43 (các cạnh 13,56 m+ 7,17m + 6,02 m+ 11,68m); phía Đông giáp thửa 27 của ông Đậu Đức T 14,35m; phía Tây giáp đường liên bộ dài 22,96m.

Các đương sự có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất .

(Có sơ đồ kèm theo)

2. Về án phí phúc thẩm: Bà Hồ Thị P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho Phương 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007628 ngày 17/12/2021 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Về án phí chia tài sản chung: Bà Hồ Thị P phải chịu 11.627.500đ; Ông Đậu Đức V phải chịu 17.520.000đ.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS H. Quỳnh Lưu;
- TAND H. Quỳnh Lưu;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

